

Bản án số: 92/2018/DS-PT

Ngày: 21-9-2018

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Nguyễn Đình Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2018/TLPT-DS ngày 28/5/2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2018/QĐXX-PT ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị P, sinh năm 1970

Ông Lâm Ngọc H, sinh năm 1967

Cùng tạm trú: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Cùng hộ khẩu thường trú: KP N, TT. L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Ngọc H: Bà Tạ Thị P, sinh năm 1970; tạm trú tại: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Hộ khẩu thường trú: KP N, TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Theo văn bản ủy quyền số 2114, quyền số 03/TP-SCC-HĐUQ ngày 08/7/2016 của Văn phòng công chứng Lộc Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tạ Thị P: Anh Hoàng Hữu T, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2018). (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Tạ C, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lâm Văn C, sinh năm 1995

Anh Lâm Sỹ Đ, sinh năm 1998
Cùng trú tại: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh C, anh Đ: Bà Tạ Thị P, sinh năm 1970, cư trú tại: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Theo văn bản ủy quyền số 2114, quyền số 03/TP-SCC-HĐUQ ngày 08/7/2016 của Văn phòng công chứng L. (Có mặt)

Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Tạ Thị P.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H thống nhất trình bày:

Năm 2004, bà P và ông H có chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Lê Cảnh Q với diện tích $19.782m^2$, của ông Lê Bá B diện tích $8405m^2$, tổng diện tích nhận chuyển nhượng từ ông Q và ông B là $28.187m^2$. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Cảnh Q và ông Lê Bá B với giá tiền sang nhượng 200.000.000 đồng, đất tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Thực chất là nhận chuyển nhượng từ ông Q và bà N, còn ông B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên cho bà P và ông H chứ thực ra thì đất trên là của ông Q và bà N vì ông B đã bán đất cho ông Q và bà N nhưng chưa sang tên nên để tên của ông B và ông Q sang tên cho bà P và ông H luôn, sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Q và bà N thì bà P và ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ/627/QĐ-UB (BL115) do UBND huyện L cấp ngày 26/10/2004, sau đó bà P và ông H có chuyển nhượng lại cho ông Tạ C và bà Lê Thị Đ với diện tích $11.251m^2$ năm 2004 nhưng đến năm 2007 ông Tạ C và bà Lê Thị Đ làm thủ tục sang tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00147 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 08/7/2007 với tổng diện tích $11.251m^2$ tách thành 02 thửa, thửa số 55 có diện tích là $6.876m^2$, thửa số 56 có diện tích là $4.375m^2$.

Đất bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích được cấp sổ là $16.936m^2$ được tách thành các thửa số 50, 51, 52, 53, 54 tờ bản đồ số 00, đất tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, trong đó thửa 50 diện tích là $3389m^2$, thửa 51 có diện tích $4508m^2$, thửa 52 có diện tích $8405m^2$, thửa số 53 có diện tích $132m^2$, thửa số 54 có diện tích $502m^2$. Các thửa đất trên đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với toàn bộ diện tích bà P nhận sang nhượng từ ông Lê Cảnh Q và ông Lê Bá B. Tuy nhiên quá trình canh tác, bà P, ông H cho rằng ông Tạ C đã tự ý mớ nước làm mất hiện trạng thửa đất ban đầu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp như trên nên bà P và ông H làm đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2014 bà P yêu cầu ông Tạ C phải trả lại và lắp lại nguyên hiện trạng ban đầu và trả lại đường nước lên xuống (từ đường xuống đập nước rộng 01m, dài 133m).

Ngày 20 tháng 02 năm 2016, bà P có đơn khởi kiện bổ sung và được Tòa án ra thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 01/TB-TLVA ngày 03/3/2016. Bà P yêu cầu ông Tạ C:

Trả và đắp lại diện tích 243m² tại thửa số 50,51,52 như hiện trạng ban đầu quyền sử dụng đất mà ông C đã lấn chiếm.

Trả lại nguyên trạng con đường đi tại thửa số 54 (chiều dài 44m, chiều rộng 4m) với diện tích 176m².

Đắp và trả lại con đường đi ở thửa số 53 từ đường xóm xuống tới lòng hồ.

Ngày 01 tháng 6 năm 2017, bà P thay đổi bổ sung đơn khởi kiện, bà P yêu cầu ông Tạ C phải trả lại:

- Phần đất có diện tích 243m² tại thửa 50, 51, 52 như hiện trạng ban đầu quyền sử dụng đất (chiều rộng 4m, chiều dài 60,75m) có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00146 cấp ngày 14 tháng 3 năm 2007, đất có tứ cận phía đông giáp đất ông Anh, phía tây giáp đất bà P, phía bắc giáp đất ông C, phía nam giáp đất bà P do ông Tạ C đã tự ý móc mương làm cho hiện trạng thửa đất không còn.

- Đoạn mương dài 13m, rộng 4m, tổng diện tích 52m², tại thửa số 54 theo đúng hiện trạng ban đầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất có tứ cận phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất ông H, phía nam giáp đất bà P, phía bắc giáp đất bà P.

- Diện tích đất tại thửa 54 có chiều rộng 4m, chiều dài 44m, tổng diện tích 176m², đất có tứ cận phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất ông H, phía nam giáp đất bà P, phía bắc giáp đất bà P.

- Diện tích đất tại thửa 53 có chiều rộng 6m, chiều dài 133m, diện tích 798m². Đất có tứ cận phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất bà P, phía nam giáp đường đi của xóm, phía bắc giáp đất bùng của bà P. (đất lòng hồ L).

- Phần đất xung quanh bờ ao ở thửa 54, chiều rộng 13m, chiều dài 22m, tổng DT 286m². Đất có tứ cận phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất ông H, phía nam giáp đất bà P, phía bắc giáp đường đi của xóm. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- Phần đất dưới bùng từ điểm mốc cách đường 133m xuống tới vạch nước lòng hồ có chiều dài 47m, chiều rộng 60,5m, tổng diện tích là 2843m² (đất lòng hồ L).

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, bà P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà P xin rút một phần yêu cầu đối với ông Tạ C phải trả lại chiều rộng 4m, chiều dài 60,75m, nay chỉ yêu cầu chiều rộng là 2m, chiều dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00146 cấp ngày 14 tháng 3 năm 2007; và rút yêu cầu đối với việc yêu cầu ông Tạ C phải trả lại 2.843m² đối với phần đất lòng hồ L (BL290). Tại phiên tòa bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không bổ sung yêu cầu gì.

Bị đơn ông Tạ C trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay ông C và bà Đ đang sử dụng và bị bà P khởi kiện có nguồn gốc là vào năm 2004 hai chị em ông C và chị Phường hùn tiền mua chung của vợ chồng ông và bà Trần Thị Bích N diện tích khoảng 03 mẫu, đất tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L. Khi mua đất có sổ rồi nên không đo đạc lại mà chỉ chỉ ranh đất, bà P lấy phần đất trồng tiêu và điều ở phía trên, bà P chịu hai phần tiền

là 130.000.000đồng, còn ông Clấy phần đất trồng cà phê phía dưới chịu số tiền 65.000.000đồng. Khi mua thì bà P có tiền nhiều hơn nên để bà P đứng tên để được tách sổ. Khi sang nhượng đất trên đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Q và ông Bnên không tiến hành đo đạc lại. Sang nhượng vào ngày tháng năm nào thì ông C không nhớ rõ, chỉ nhớ sang nhượng vào năm 2004. Hiện nay chủ sử dụng đất cũ là ông Q và bà N về quê sinh sống, ông C không biết địa chỉ cụ thể. Thực tế chuyển nhượng là của vợ chồng ông Q và bà N, nhưng do đất trước đây ông Q mua của ai thì ông C không biết, chỉ biết mua của vợ chồng ông Q và bà N. Từ khi sang nhượng đất xong thì đất của ai người đó quản lý, sử dụng, vì khi mua đất đã chỉ ranh đất rõ ràng, của ai thì người đó dùng. Ông Ctrực tiếp canh tác trên đất từ khi nhận sang nhượng từ ông Q và bà N. Đến năm 2007 tiến hành tách sổ thì ông C và bà P làm hợp đồng tặng cho để tách sổ, chứ thực chất là hùn tiền chung để cùng sang nhượng, khi tách sổ thì thỏa thuận, vì đất bà P ở phía trên, đất ông C phía dưới nên để đi lên được đất phía trên của bà P thì phải để cho bà P đường đi rộng 04m và 01 cái ao ở ngay đường đi để đi lên đất phía trên và 01m chiều rộng, dài 133m để đặt đường ống nước xuống lòng hồ L lấy nước thì bà P mới tách sổ cho ông C, chính là thửa đất 53 và thửa 54 bây giờ.

Nay ông Ckhông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P và ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn C, anh Lâm Sỹ Đ do bà Tạ Thị P làm người đại diện theo ủy quyền: Bà P giữ nguyên lời trình bày như đã trình bày, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu nào khác, mọi vấn đề liên quan vụ án đều thống nhất với lời trình bày của bà P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Tạ C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H.

- Buộc ông Tạ C phải lấp lại con mương có chiều rộng 2m, chiều dài 13m tại thửa đất số 54 của bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H giáp thửa đất số 50, 51, 52 của ông H, bà P theo nguyên hiện trạng ban đầu của con mương có chiều sâu 0,6m, chiều rộng 0,6m, dài 13m (theo trích đo số 43 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

- Buộc ông Tạ C phải lấp và trả lại con mương tại thửa đất số 53 của bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H giáp với đất của ông H theo hiện trạng ban đầu có chiều sâu 0,7m, chiều rộng 0,6m, chiều dài 133m và trả lại diện tích đất có chiều rộng 1m tính từ tim mương nước giữa đất bà P và ông H chiều dài 133m tại thửa đất số 53 cho bà P, đất có tứ cận: Phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất ông H, phía bắc giáp đất lòng hồ, phía nam giáp đường đi.

- Buộc ông Tạ C phải trả lại tổng diện tích đất 9,2m² tại thửa số 54 cho bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H, đất có tứ cận phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất bà P, phía nam giáp đất ông C, phía bắc giáp đất bà P (theo trích lục ngày 20/3/2018 và trích đo số 43 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H về việc yêu cầu ông Tạ C trả lại diện tích đất có chiều rộng 2m, chiều dài theo sơ đồ trích đo số 43 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là 61,8m, tổng diện tích 123,6m² tại thửa số 50,51,52 của bà P, đất có tứ cận phía đông giáp đất ông Anh, phía tây giáp đất bà P, phía bắc giáp đất ông C, phía nam giáp đất bà P (theo bản trích đo địa chính số 43 ngày 28/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H về việc yêu cầu ông Tạ C trả lại diện tích thửa đất số 54 chiều rộng 4m, chiều dài 44m, tổng diện tích 176m², đất có tứ cận phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất ông H, phía nam và phía bắc giáp đất bà P và phần đất quanh bờ ao tại thửa 54 có diện tích 276,4m² (Theo trích đo số 43 ngày 25/9/2017 và trích lục số 43 ngày 20/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

4/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, ông H về việc buộc ông Tạ C phải trả lại diện tích đất 5m chiều rộng, 113m chiều dài, tổng diện tích 665m² tại thửa đất số 56 của ông Tạ C cho bà P, đất có tứ cận: Phía đông giáp đất ông C, phía tây giáp đất bà P, phía nam giáp đường đi, phía bắc giáp đất lòng hồ L (theo trích đo số 43 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đăng ký đất đai huyện L).

5/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Tạ C trả diện tích đất rộng 2m, dài 60,75m tại thửa đất số 50,51,52 của bà P; đất có tứ cận phía đông giáp đất ông Anh, phía tây giáp đất bà P, phía bắc giáp đất ông C, phía nam giáp đất bà P.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông C trả lại phần đất lòng hồ L từ điểm mốc 133m cuối thửa đất 53 của bà P xuống tới vạch nước có chiều dài là 47m, chiều rộng 60,5m, tổng diện tích 2.843m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02/5/2018, nguyên đơn bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H có đơn kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định đúng vị trí thửa đất số 53 có chiều rộng 1m, và chiều dài 133 mà Nhà nước đã cấp cho bà và con nương. Trả lại đúng toàn bộ diện tích đất mà Nhà nước đã công nhận cho bà tại các thửa 50, 51, 52, 54 đang bị các bên lấn chiếm làm thay đổi hiện trạng và yêu cầu trả đúng hiện trạng ban đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được thể hiện như sau: Nguyên đơn bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Tạ C phải trả lại diện tích 121,5m² tại thửa 50, 51, 52; diện tích 52m², 176m², 286m², tại thửa số 54; diện tích 798m² tại thửa 53 vì cho rằng ông C đã lấn chiếm. Đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự; do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân Lộc Ninh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên không làm rõ được các nội dung sau: Tại thời điểm UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà P và hộ ông C như thế nào, cấp sổ theo hiện trạng các bên sử dụng năm 2004 hay cấp theo hiện trạng sử dụng năm 2007 khi bà P, ông H tách sổ cho ông C, bà Đ. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên nêu trên thì UBND huyện L có tiến hành đo đạc theo hiện trạng các bên sử dụng hay không. Trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà P, ông C. Chưa thu thập làm rõ lý do vì sao thửa đất số 53 có diện tích là 133m² và thửa đất 54 có diện tích 502m², hai diện tích đất này đều là đất nông nghiệp nhưng vẫn được UBND huyện L tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P, ông H. Tòa án cấp không đưa Ủy ban nhân dân Lộc Ninh tham gia tố tụng trong vụ án nên cũng chưa làm rõ được việc tách thửa 53, 54 nêu trên cho bà hộ bà P có đúng theo quy định về hạn mức đất nông nghiệp được tách thửa trên địa bàn xã L, huyện L hay không.

[2] Chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập có sự mâu thuẫn, không thống nhất với nhau cụ thể: Tại Sơ họa mốc giới thửa đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà Đ và trích đo bản đồ Địa chính năm 2007 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P, ông H không thống nhất về diện tích, kích thước, tên thửa với các Mảnh trích đo số 17-2015 ngày 11/02/2015; Mảnh trích đo số 25-2015 ngày 16/7/2015; Mảnh trích đo số 43-2017 ngày 25/9/2017; Mảnh trích đo số 43-2017 ngày 20/3/2018. Mặt khác, các Mảnh trích đo số 17-2015 ngày 11/02/2015; Mảnh trích đo số 25-2015 ngày 16/7/2015; Mảnh trích đo số 43-2017 ngày 25/9/2017; Mảnh trích đo số 43-2017 ngày 20/3/2018 đều do Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thực hiện nhưng cũng không thống nhất và có sự mâu thuẫn nhau về tên thửa đất, hình thể, số đo các cạnh thửa đất, cũng như diện tích. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Mảnh trích đo số 43-2017 ngày 25/9/2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án là chưa chính xác, chưa khách quan. Nguyên đơn bà P, ông H được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các thửa 50, 51, 52, 53, 54; ông C, bà Đ được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các thửa là 55, 56, hiện tại các bên đang tranh chấp liên quan đến các thửa đất nêu trên. Khi Tòa cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ là bản đồ đo đạc. Nhưng trên các sơ đồ đo vẽ không thể hiện đúng thửa

đất các bên tranh chấp; không thể hiện được vị trí diện tích đất tranh chấp. Sơ đồ đo vẽ không thể hiện được diện tích thực tế các bên đang sử dụng, diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích các bên tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24 tháng 7 năm 2018 nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành đo đạc lại các thửa đất và diện tích đất tranh chấp. Tại mảnh trích đo địa chính ngày 17/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật địa chính - Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước thấy rằng các thông số về hình thể, vị trí số thửa, diện tích thực tế các bên đang sử dụng cũng như diện tích đất tranh chấp được thể hiện đầy đủ, khác với các mảnh trích đo trước đó mà Tòa án cấp sơ thẩm thu thập. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà P, ông H xác định sơ đồ đo đạc ngày 17/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật địa chính - Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước được xem lại vào ngày 12/9/2018 là không đúng với thực tế hiện trạng đo đạc ngày 17/8/2018 nên không thể làm căn cứ giải để quyết vụ án. Vì vậy, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Tòa án sơ thẩm tuyên buộc ông Tạ C phải lấp và trả lại con mương tại thửa đất số 53 của bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H giáp với đất của ông H theo hiện trạng ban đầu có chiều sâu 0,7m, chiều rộng 0,6m và phải lấp và trả lại con mương tại thửa đất số 54 của bà Tạ Thị P và ông Lâm Ngọc H giáp thửa đất số 50, 51, 52 của ông H, bà P theo nguyên hiện trạng ban đầu của con mương có chiều sâu 0,6m, chiều rộng 0,6m, dài 13m là không thể thực hiện được, gay khó khăn trong việc thi hành án.

Từ những nhận định nêu trên thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H là chưa đủ căn cứ, chưa khách quan. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L là có căn cứ nên được chấp nhận.

- *Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác*: Được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do hủy án sơ thẩm nên nguyên đơn bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác: Được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị P, ông Lâm Ngọc H không phải chịu, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L hoàn trả cho bà P, ông H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005844 ngày 08/5/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Viết Hùng